

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

XUNG QUANH VIỆC VIẾT MỘT SỐ ĐỊA DANH Ở TÂY NGUYÊN

TS TRẦN VĂN DŨNG
THS ĐOÀN THỊ TÂM
(Đại học Tây Nguyên)

1. Địa danh trong đời sống cộng đồng

Địa danh là một trong những chứng cứ quan trọng để tìm hiểu quá trình hình thành của một bộ tộc, một dân tộc ở các mặt địa lí, tổ chức xã hội ...qua các thời kì; là những **di tích khảo cổ học không nằm trong lòng đất**; là những hoá thạch ngôn ngữ minh chứng về văn hoá, lịch sử, ngôn ngữ. Nhờ địa danh người ta có được sự hiểu biết về sự giao tiếp và sự bảo lưu ngôn ngữ; về quá trình lịch sử, văn hoá...của một địa bàn, một dân tộc, những vấn đề về lãnh thổ, vấn đề chủ quyền quốc gia.

Hệ thống địa danh là những chứng nhân đáng tin cậy của quá trình hình thành một cộng đồng, nơi cư trú của một tộc người nào đó. Ví dụ địa danh có các yếu tố như **dak, yôk, nâm**, ta có thể xác định đó là nơi sinh sống của các cư dân Mnông. Địa danh có thành tố chung là **êa, plei**, có thể dễ dàng xác định là nơi cư trú của cư dân Êđê hoặc Jrai. Nếu thành tố chung là **sóc** thì ở đó là địa danh của đồng bào Stiêng hoặc Khmer,...Căn cứ vào thời gian xuất hiện của địa danh ta có thể biết được thời điểm định cư, địa bàn sinh sống của một cộng đồng. Ví dụ: **làng Lạc Giao** là địa danh ghi nhận dấu ấn thời điểm các cư dân đồng bằng (người Kinh) đến sinh sống lập nghiệp ở đây được tổ chức thành một đơn vị cư trú (năm 1928). **Gia Nghĩa** cũng là một địa danh ghi nhận sự có mặt của những cư dân Quảng Ngãi đầu tiên trên khu vực này,...

Đối với lịch sử, hệ thống địa danh đều ít nhiều ghi dấu ấn qua các sự kiện, những biến động lịch sử trên địa bàn. Ví dụ Đường 10-3, Buôn Ma Thuột,...

Qua địa danh, chúng ta biết được cảnh quan thiên nhiên, đặc điểm địa hình của địa bàn xưa cũ; giúp ta tìm kiếm một con sông, con suối, ngọn núi, đặc điểm sinh thái,...giúp ta hiểu được điều kiện, môi trường sống của người xưa. Ví dụ Nậm Nung, Yôk Đôn, Êa Tuôr, Êa Drang, Krông Knô,...

Địa danh còn cho biết một số thông tin về văn hoá, chính trị-xã hội, đặc điểm tâm lí, tôn giáo, về chính sách, sự quản lí hành chính, trong việc phân vùng lãnh thổ, điều chỉnh địa giới của chính quyền nhà nước qua các thời kì; trong xu hướng đặt tên mới, thay tên cũ...

Tóm lại, địa danh có một vị trí quan trọng đối với cuộc sống con người trên tất cả các lĩnh vực; nó giúp chúng ta hiểu được các mối quan hệ và nhiều vấn đề khác của đời sống xã hội trong quá khứ và hiện tại. Vì vậy, khi địa danh đã trở thành **mã số** của một đối tượng hoặc một địa bàn nhất định, nó có tính ổn định và truyền lại lâu dài. Cũng vì vậy, một số thông tin nhất định nào đó của một địa danh cùng những thông tin về thời đại được phản ánh trong ngôn ngữ đặt tên còn lưu lại, có giá trị cho nhiều ngành khoa học.

Địa danh ở Tây Nguyên phản ánh bản sắc văn hoá phong phú của các cư dân trên địa

bàn, một vùng văn hoá đa sắc tộc, đa ngôn ngữ. Địa danh nơi đây cũng phản ánh rõ nét đặc điểm địa lí, sinh thái của một vùng đất chủ yếu là sông, suối, rừng, đồi,... Với diện tích trên năm mươi ngàn cây số vuông, Tây Nguyên đã có hàng ngàn địa danh về các đối tượng tự nhiên. Nói cách khác, cứ liệu về địa danh Tây Nguyên đã làm nên một bức tranh toàn cảnh về các lĩnh vực: lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, văn hoá, ngôn ngữ, các khối cộng đồng dân cư.

2. Sơ lược về cách viết địa danh trên địa bàn Tây Nguyên

Từ những giá trị đặc biệt của địa danh và những nét đặc trưng về văn hoá, địa hình Tây Nguyên đặt ra vấn đề sử dụng địa danh trên địa bàn như thế nào. Hiện nay trong giao tiếp và trong các văn bản hành chính, văn bản pháp quy, việc gọi và viết các địa danh còn chưa phù hợp, chưa có sự thống nhất. Chẳng hạn, địa danh Dak Lăk có những cách viết: Dak Lak, Đăk Lăk, Đắc Lắc, Daklak, Darlac; Buôn Ma Thuột hay Ban Mê Thuột, Buôn Mê Thuột ? Tỉnh lỵ tỉnh Gia Lai viết Pleiku hay Plêi Ku ?; địa danh Kon Tum viết như thế nào, Kon Tum hay Kontum? Đắc Hà hay Dak Hà, Dak Ha ? Dak Tô hay Đắc Tô ? Đắc Nông hay Dak Nông ? Đắc Min hay Dak Mil ?;...

Sở dĩ có tình hình trên, một mặt ta chưa có sự hiểu biết về các yếu tố tự nhiên và xã hội tạo nên địa danh đó; mặt khác có quan niệm cho rằng khi địa danh đã trở thành mã số thì ý nghĩa của địa danh không còn quan trọng nữa. Người ta quan tâm đến việc địa danh đó ở đâu, là tên gọi của đối tượng nào mà không mấy quan tâm đến việc địa danh đó nó có ý nghĩa gì. Có thể dẫn ra một số ví dụ:

a) Địa danh Dak Lăk

Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 22/11/1904 ghi: *Thành lập tại miền Tây các tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà, đặt dưới quyền hành chính và chính trị của Khâm sứ Trung Kỳ một tỉnh tên là Darlac.* Theo tác

giả Monfleur trong cuốn *Province du Darlac*, Hanoi, 1931 thì *tên tỉnh Dak Lăk được đặt một cách ngẫu nhiên, không có ý nghĩa gì.* Theo tác giả thì đây là *kết quả của một sự nhầm lẫn đã biến đổi ngôn từ Dak Lăk thành Darlac; sự thật đây là tên của một thung lũng nhỏ được đặc biệt chú ý bởi nó nằm giữa một vùng rừng núi, trong đó có một cái hồ ở vị trí trung tâm* (theo bản dịch từ tiếng Pháp). Đây là một vấn đề cho đến nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Theo chúng tôi vấn đề có thể được hiểu như sau: Người Pháp đã có mặt tại Việt Nam và biết đến Tây Nguyên từ rất sớm qua các công trình khảo sát, nghiên cứu của một số giáo sĩ phương tây, điển hình là A. de Rhodes. Rõ ràng trước khi người Pháp đặt vấn đề thành lập một đơn vị hành chính cấp tỉnh ở đây, họ đã tìm hiểu rất kĩ càng về địa lí, lịch sử, văn hoá, tộc người,... Những nhà nghiên cứu Đông Dương và Tây Nguyên cũng hiểu một cách khá rõ về nguồn gốc các ngôn ngữ bản địa trên địa bàn. Ngôn ngữ Môn - Khmer có từ dak, dar chỉ khái niệm nước. Từ **dak** có thể là suối nước, dòng nước, hồ nước, giống như **ea** trong ngôn ngữ Mã Lai Đa Đảo. Lăk là tên một hồ nước nằm ở vị trí trung tâm tỉnh - một hồ nước đẹp rộng 500 hec ta. Như vậy có thể nói **Dak Lăk** là hồ nước có tên là **Lăk**. Trong lúc, ở tiếng Pháp thì **lac** (hồ) và **dar** (không có nghĩa). Nếu **dar** đứng cạnh trước **lac** /lăk/ thì sẽ có một phát âm /dăk/, giống với **dak lăk** trong ngôn ngữ Môn - Khmer. Và như vậy, theo chúng tôi đây là một hình thức phiên âm mà người Pháp vận dụng để gọi tên tỉnh này khi thành lập (năm 1889) chứ không hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên. Bởi vậy, theo quan điểm của chúng tôi, trong các văn bản hành chính, văn bản pháp quy, văn bản khoa học viết là Dak Lăk (theo ngôn ngữ M'ông); trong các giao tiếp thông thường viết là Đắc Lắc (phiên âm qua tiếng Việt). Một số các cách viết khác như Dak Lak, Đăk Lăk, theo chúng tôi đều không phù hợp với một ngôn ngữ nào.

b) Địa danh Buôn Ma Thuật

Hiện nay trong giao tiếp, trên các phương tiện thông tin đại chúng và cả trong các văn bản, Buôn Ma Thuật còn được gọi và viết là Ban Mê Thuật, Buôn Mê Thuật, Ban Mê, Buôn Mê. Vừa qua, đã có một số ý kiến bàn về vấn đề này. Các tác giả đã đề xuất ý kiến nên viết như thế nào cho đúng địa danh này mà chưa lí giải nó trên cơ sở hiện tượng ngôn ngữ. Chúng tôi đồng ý với tác giả Nguyễn Hữu Trí và tác giả Nay Hiệp: *Buôn Ma Thuật là buôn do từ trường Ama Y Thuật đứng đầu. Buôn* là đơn vị cư trú của người Ê đê, giống như **làng** của người Việt, **bản** của các cư dân miền núi phía bắc, **sóc** của cư dân Stiêng và Khmer, **bon** của đồng bào Mnông, **plei** của đồng bào Jrai... Trường hợp **Ban Mê Thuật**, theo chúng tôi đây là cách phiên âm của người Pháp từ tổ hợp từ **Buôn Ma Thuật** của người Ê đê.

Khi Địa lí hành chính đang đóng tại vị trí của Buôn Đôn (ngày nay), người Pháp gọi là **Bandon** (Bản Đôn). Sau khi chuyển về vị trí **buôn** của Ama Thuật thì người Pháp vẫn gọi **buôn** là **ban** (bản). **Me** được lấy từ âm đầu của từ *monsieur* (ông) khi phiên âm (/me/ /si/ /eu/), còn Thuật là tên riêng, vẫn được giữ nguyên. Như vậy, người Pháp gọi là **Banmethuot** (bản ông Thuật), trong lúc đó, người Việt đọc là **Ban Mê Thuật**. Người Ê đê gọi là **Buôn Ma Thuật** (buôn ông Ama Thuật) thì người Việt phát âm thành **Buôn Ma Thuật**. Tiếng Ê đê không có thanh điệu, đúng ra phải đọc là **Buôn Ma Thuật** (/buon/ /ma/ /thuot/)

Buôn Mê Thuật là cách gọi lẫn lộn giữa hai cách gọi trên. **Ban Mê, Buôn Mê** là cách gọi rút gọn.

c) Địa danh Plei Ku và địa danh Kon Tum

Đã từ lâu, trong giao tiếp khẩu ngữ và một số văn bản thông dụng như sách giáo khoa, người ta thường gọi là **Plây Cu**; trong văn bản được viết là **Pleiku**; có khi lại viết là **Plei Ku**. Vì sao lại có hiện tượng này? Theo

chúng tôi đây là cách biểu hiện địa danh này trên cơ sở những ngôn ngữ khác nhau. **Plây Cu** là phiên âm trực tiếp sang tiếng Việt; **Pleiku** là viết theo cách của ngôn ngữ bản địa; **Plei Ku** là biểu hiện địa danh này theo cách của ngôn ngữ bản địa.

Địa danh Kon Tum cũng có tình hình như trên (địa danh Plei ku). Địa danh này có một số cách biểu hiện như: **Công Tum, Kông Tum, Kontum, Kon Tum**.

Ngoài ra, một số không ít những địa danh khác cũng có nhiều cách gọi và cách viết khác nhau:

- **Buôn Đôn, Bản Đôn, Yôk Đôn** (Buôn Đôn – ngôn ngữ Ê đê; Bản Đôn- ngôn ngữ Lào; Yôk Đôn – ngôn ngữ Mnông)

- **Nâm Nung, Nâm Dar, Nâm Kar** (ngôn ngữ Mnông); **Nam Nung, Nam Đà, Nam Ka** (tiếng Việt)

- **Dak Mil, Dak R’Lấp** (ngôn ngữ Mnông); **Đức Lập** (ngôn ngữ Hán)

- **Krông Năng hay Krông H’Nang?; Krông Nô hay Krông Knô?**

Và còn nhiều địa danh khác nữa.

3. Một vài đề xuất khi đặt, sửa đổi và sử dụng địa danh ở Tây Nguyên

Từ những vấn đề trên đây, chúng tôi xin có một vài ý kiến nhỏ về chính sách ngôn ngữ liên quan đến địa danh. Cần có sự thống nhất trong cách viết, cách gọi địa danh cho phù hợp trong giao tiếp, trong các văn bản pháp quy, văn bản khoa học và trên các phương tiện thông tin đại chúng trong bối cảnh một địa bàn đa sắc tộc, đa ngôn ngữ. Việc đặt tên mới, thay thế tên cũ ít nhiều phản ánh sự kế thừa và bảo lưu. Vì vậy, quá trình đặt tên, sửa đổi tên cho các đối tượng địa lí cần phải đảm bảo những yêu cầu có **tính nguyên tắc**. Đó có thể là: tính dân tộc, tính giáo dục, tính đại chúng, tính thẩm mỹ.

Khi đặt hoặc sửa đổi một địa danh nào đó trên cơ sở một địa danh đã có, không nên phá vỡ địa danh ban đầu mà phải sử dụng nguyên dạng, đồng thời trên cơ sở phương thức chuyển hoá mà đặt tên mới cho đối

tượng mới. Chẳng hạn, khi thành lập một số đơn vị hành chính như huyện Krông Nô, huyện Krông Năng thì cần lấy nguyên tên gọi của con sông, vốn là đối tượng địa lí tự nhiên đã có từ trước, đó là dòng Krông Knô, dòng Krông H'Nang, tương tự như huyện Krông Ana đã đặt theo tên dòng Krông Ana. Một số địa danh hành chính khác như Nam Đà, Nam Nung, Nam Ka,...cũng tương tự như trường hợp trên (nên để nguyên tên các ngọn núi ở trên địa bàn khi đặt tên cho đơn vị hành chính: Năm Nung, Năm Dar, Năm Kar).

Các địa danh đặt bằng ngôn ngữ bản địa, đặc biệt là đặt theo tên của các danh nhân, cần có đầy đủ tên họ, tên đệm, tên chính. Ví dụ: YNgông Niê Kdăm, YWang Mlô Duôn du,...

Khi sử dụng một địa danh nào đó, trước hết cần căn cứ vào định hướng giao tiếp (đối tượng giao tiếp; văn bản giao tiếp; hoàn cảnh giao tiếp), từ đó xác định sử dụng ngôn ngữ giao tiếp.

- Trong giao tiếp thông thường (giao tiếp sinh hoạt) hoặc thư tín cần sử dụng ngôn ngữ có tính đại chúng - ngôn ngữ phổ thông bằng cách phiên âm trực tiếp qua tiếng Việt. Ví dụ: **Đắc Lắc, Buôn Ma Thuột, Plây Cu, Công Tum, Đắc Min,...**

- Trong các văn bản hành chính, văn bản pháp quy (văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật), văn bản khoa học cần để nguyên dạng (theo ngôn ngữ đặt tên), nhằm bảo đảm sự chính xác của thuật ngữ. Có thể lấy một số ví dụ:

+ Viết **Dak Lăk, Buôn Ma Thuột, Plei Ku, Kon Tum, Dak Mil, Năm Dar, Năm Nung, Năm Kar** (không ghi thanh điệu) khi văn bản được soạn thảo bằng tiếng Việt hoặc bằng ngôn ngữ bản địa. Do ngôn ngữ các dân tộc bản địa ở Tây Nguyên là ngôn ngữ đơn lập nên các âm tiết cần được tách rời khi

thể hiện trên chữ viết giống như trong phát âm, mà không viết liền như một số trường hợp lâu nay.

+ Viết **Darlac, Banmethuot, Pleiku, Kontum, Darmil** chỉ khi văn bản đó được viết bằng ngôn ngữ biến hình.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh (1957), *Hán - Việt từ điển*, Nxb Trường Thi, Sài Gòn.
2. Nguyễn Văn Âu (2000), *Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Trương Bi (chủ biên – 2003), *Văn học dân gian Ê đê, Mnông*, Sở văn hoá thông tin Dak Lăk.
4. Hoàng Thị Châu (2001), *Địa danh Tây Nguyên trên bản đồ*, Ngôn ngữ và Đời sống (số 1 – trang 14).
5. Trần Văn Dũng (2004), *Địa danh ở Buôn Ma Thuột*, Buôn Ma Thuột xưa và nay, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, tr 77-97
6. Trần Văn Dũng (2005), *Những đặc điểm chính về địa danh ở Dak Lăk*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn.
7. Henry Maitre (1980), *Các xứ thượng miền Nam Đông Dương*, (cao nguyên Dak Lăk), Bản dịch đánh máy lưu trữ tại Ủy ban dân tộc TW, Hà Nội.
8. Nay Hiệp (1996), *Bản về địa danh Buôn Ma Thuột, Văn hoá Dak Lăk* (số 3- tr 15, 43).
9. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở TP Hồ Chí Minh*, Nxb KHXH, Hà Nội.
10. Đinh Văn Nhật (1984), *Phương pháp vận dụng địa danh học trong nghiên cứu địa lí. học, lịch sử cổ đại Việt Nam*, Nghiên cứu lịch sử (số 5 tr72-80).
11. Nguyễn Hữu Trí (2001), *Đôi điều bàn về địa danh ở Dak Lăk*, Thông tin khoa học và công nghệ Dak Lăk, (số 3 tr 21-23).
12. Mon Fleur (1931), *Monographie de la province du Darlac*, Hanoi.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 02-08-2011)